

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2021
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Khóa | Mã SV | Họ và Tên | | Lớp | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------|------------------|-------|------------|---|
| 1 | Khóa 19 | 33161020119 | Nguyễn Thị Mỹ | Trâm | VB19ALA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 2 | Khóa 19 | 33161020195 | Phan Thị Hồng | Gấm | VB19ALA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 3 | Khóa 19 | 33161020274 | Nguyễn Lê | Khánh | VB19ALA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 4 | Khóa 19B | 33161025195 | Bùi Nhân | Từ | VB19BLA001 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 5 | Khóa 19B | 33161025276 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | VB19BLA001 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 6 | Khóa 19B | 33161025403 | Đoàn | Minh | VB19BLA001 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 7 | Khóa 19B | 33151025217 | Đỗ Hoàng Ánh | Tiên | VB19BKN001 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 8 | Khóa 19B | 33161025126 | Lê Nho | Quang | VB19BFN001 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 9 | Khóa 20 | 33171020128 | Nguyễn | Phố | VB20AFT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 10 | Khóa 20 | 33171020161 | Trương Minh | Nhân | VB20AFT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 11 | Khóa 20 | 33171020571 | Nguyễn Trường | Khánh | VB20AFT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 12 | Khóa 20B | 33171025406 | Trần Vũ | Hận | VB20BLA02 | Chưa đạt 3110313 - Luật thương mại quốc tế - (4.5) Không đạt nhóm tự chọn TC_1466 Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 13 | Khóa 20B | 33171025276 | Nguyễn Thị | Hòa | VB20BKN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 14 | Khóa 21.1 | 33181020130 | Trần Minh | Phi | VB21.1LA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |

| | | | | | | |
|----|-----------|-------------|------------------|-------|------------|---|
| 15 | Khóa 21.1 | 33181020222 | Lý Văn | Tài | VB21.1LA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 16 | Khóa 21.1 | 33181020186 | Nguyễn Đăng | Khoa | VB21.1LA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 17 | Khóa 21.1 | 33181020197 | Đào Thị | Lương | VB21.1LA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 18 | Khóa 21.1 | 33181020357 | Phan Huỳnh Quốc | Toàn | VB21.1LA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 19 | Khóa 21.1 | 33181020373 | Nguyễn Thùy | Trang | VB21.1LA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 20 | Khóa 21.1 | 33181020220 | Nguyễn Duy | Tùng | VB21.1FT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 21 | Khóa 21.1 | 33181020278 | Nguyễn Thùy | Vân | VB21.1FT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 22 | Khóa 21.1 | 33181020327 | Hoàng Thị Thanh | Mai | VB21.1FT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 23 | Khóa 21.2 | 33181025261 | Phan Nguyễn Châu | Quỳnh | VB21.2LA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra ECO501002 - Kinh tế vĩ mô - (0) Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 24 | Khóa 21.2 | 33181025257 | Mai Thánh | Thụy | VB21.2LA02 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 25 | Khóa 21.2 | 33181025114 | Nguyễn Thị Ngọc | Pha | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 26 | Khóa 21.2 | 33181025139 | Nguyễn Văn | Hiền | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 27 | Khóa 21.2 | 33181025161 | Nguyễn Thị | Ngọc | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 28 | Khóa 21.2 | 33181025198 | Phạm Huy | Hoàng | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra Không đạt nhóm tự chọn TC_1668 Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 29 | Khóa 21.2 | 33181025298 | Diên Thị Thúy | Liên | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 30 | Khóa 21.2 | 33181025369 | Vũ Thị | Thắm | VB21.2KN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |

| | | | | | | |
|----|-----------|-------------|----------------------|--------|------------|---|
| 31 | Khóa 21.2 | 33181025072 | Trần Thái Bình | Bình | VB21.2AD01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra MAT508001 - Toán dành cho kinh tế và quản trị - (3.9) Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 32 | Khóa 21.2 | 33181025077 | Đặng Lê Thu Ngọc | Ngọc | VB21.2AD01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 33 | Khóa 21.2 | 33181025217 | Lê Trần Định | Định | VB21.2AD01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 34 | Khóa 21.2 | 33181025275 | Lê Hồng Sơn | Sơn | VB21.2AD01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 35 | Khóa 21.2 | 33181025287 | Trần Vĩ Phượng | Phượng | VB21.2AD01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 36 | Khóa 21.2 | 33181025036 | Trần Thị Huyền | Huyền | VB21.2FN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 37 | Khóa 21.2 | 33181025166 | Phan Thị Hồng Dung | Dung | VB21.2FN01 | Chưa đạt FIN505016 - Quản trị rủi ro tài chính - (3) Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 38 | Khóa 21.2 | 33181025194 | Huỳnh Thị Vân Anh | Anh | VB21.2FT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 39 | Khóa 22.1 | 33191020454 | Trần Minh Tuấn | Tuấn | VB22.1LA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 40 | Khóa 22.1 | 33191020455 | Trần Hoàng Phúc | Phúc | VB22.1LA01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 41 | Khóa 22.1 | 33191020050 | Nguyễn Thị Kim Đào | Đào | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 42 | Khóa 22.1 | 33191020086 | Trần Thị Minh Thư | Thư | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 43 | Khóa 22.1 | 33191020090 | Lê Nguyễn Trúc Quỳnh | Quỳnh | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 44 | Khóa 22.1 | 33191020235 | Nguyễn Đức Khăng | Khăng | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 45 | Khóa 22.1 | 33191020425 | Lê Nguyễn Bảo Toàn | Toàn | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 46 | Khóa 22.1 | 33191020470 | Nguyễn Thị Thùy Linh | Linh | VB22.1NS01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |

| | | | | | | |
|----|-----------|-------------|--------------|------|------------|---|
| 47 | Khóa 22.1 | 33191020122 | Hà Thị Thu | Hà | VB22.1FN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 48 | Khóa 22.1 | 33191020358 | Phan Thị | Thảo | VB22.1FN01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra |
| 49 | Khóa 22.1 | 33191020414 | Lê Thị Thanh | Thu | VB22.1FN01 | Chưa đạt Không đạt nhóm tự chọn DH_669 Chưa đạt tổng số tín chỉ |
| 50 | Khóa 22.1 | 33191020199 | Lâm Khánh | Ngọc | VB22.1FT01 | Chưa đạt Tiếng Anh đầu ra FIN505002 - Tài chính quốc tế - (3) Không đạt nhóm tự chọn TC_1739 Không đạt nhóm tự chọn TC_1740 Chưa đạt tổng số tín chỉ |